

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-PT  
Ngày 10 - 01 – 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Cao Thị Túy Giang

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Chúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Nhỏ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2019/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Trần Kim T, sinh năm 1983 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

***- Bị đơn:*** 1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1976 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

***Người kháng cáo:*** Bị đơn bà Nguyễn Thị C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Kim T trình bày:* Ngày 25/9/2014, vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Ngọc N có tham gia dây hụi 10.000.000 đồng do bà làm chủ, dây hụi có tất cả 25 chung, trong đó vợ chồng bà C tham gia 01 chung, sau khi khai hụi vợ chồng

bà C hốt đầu với số tiền 182.000.000 đồng và bà đã giao đủ số tiền trên cho vợ chồng bà C. Sau khi hốt hụi bà C, ông N có đóng hụi chết còn lại 07 kỳ thì ngưng cho đến nay, do bà C, N không đóng nên bà đã xuất tiền đóng thay 07 kỳ hụi chết với số tiền là 70.000.000 đồng và dây hụi này đã mãn.

Ngày 12/4/2015, vợ chồng bà C tiếp tục tham gia 01 chung trong dây hụi 15.000.000 đồng, dây hụi có tất cả 25 chung, sau khi khui hụi vợ chồng bà C hốt đầu với số tiền 280.000.000 đồng và bà đã giao đủ số tiền trên. Sau khi hốt hụi bà C có đóng hụi chết còn lại 15 kỳ thì ngưng, do bà C, ông N không đóng nên bà đã xuất tiền đóng thay 15 kỳ hụi chết với số tiền là 225.000.000 đồng và dây hụi này đã mãn.

Ngoài ra, trong năm 2014, bà C, ông N có tham gia các dây hụi khác đã mãn tuy nhiên còn nợ lại với số tiền 20.000.000 đồng chưa trả.

Ngày 10/9/2015 vợ chồng bà C có vay của bà với số tiền 150.000.000 đồng, việc vay này hứa sẽ trả trong vòng 01 tháng nên không có tính lãi và không làm biên nhận.

Trong khoản thời gian vay vợ chồng bà C có trả được số tiền 49.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền vợ chồng bà C, ông N nợ là 416.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà chỉ yêu cầu số tiền của 02 dây hụi ngày 25/9/2014 và ngày 12/4/2015 sau khi đối trừ số tiền đã trả 49.000.000 đồng, còn lại số tiền phải trả cho bà là 246.000.000 đồng, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Đối với số tiền hụi 20.000.000 đồng và khoản vay 150.000.000 đồng bà không yêu cầu, sau này tiếp tục tranh chấp thì yêu cầu giải quyết thành vụ kiện khác.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:* Bà đồng ý lời trình bày của bà T về các dây hụi nêu trên, tuy nhiên đối với dây hụi 10.000.000 đồng bà đã đóng hụi chết hiện còn lại 06 kỳ với số tiền 60.000.0000 đồng. Dây hụi 15.000.000 đồng bà đã đóng còn lại 12 kỳ với số tiền 180.000.000 đồng. Ngoài ra, bà đã trả tiền cho bà T nhiều lần với số tiền 54.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ số tiền 186.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền 186.000.000 đồng, ngoài ra không còn yêu cầu nào khác. Ông Nguyễn Ngọc N thống nhất với ý kiến của bà C.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2019/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T đối với bà

Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Ngọc N.

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Kim T số tiền 246.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Ngọc N phải chịu là 12.300.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Bà Trần Kim T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 10.320.000 đồng theo biên lai thu số 0003733 ngày 26/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được hoàn lại.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, bị đơn bà Nguyễn Thị C kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 186.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 54/2019/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C nộp trong thời hạn luật định và hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất giao dịch hui với nhau như nguyên đơn trình bày, cụ thể: Vợ chồng bà C, ông N có tham gia 01 dây hui 10.000.000 đồng ngày 25/9/2014 và đã hót hui được số tiền 182.000.000 đồng và 01 dây hui 15.000.000 đồng ngày 12/4/2015 và đã hót hui được số tiền 280.000.000 đồng. Số tiền hót 02 dây hui nêu trên vợ chồng bà C, ông N thừa nhận đã nhận đủ từ bà T. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Bà T xác định đối với dây hui ngày 25/9/2014 vợ chồng bà C, ông N còn nợ 07 kỳ hui với số tiền là 70.000.000 đồng, bà đã xuất tiền đóng cho các hui viên và dây hui này đã mãn; phía bị đơn bà C, ông N xác định chỉ còn nợ 06 kỳ hui với số tiền 60.000.000 đồng. Đối với dây hui ngày 12/4/2015, bà T xác

định vợ chồng bà C, ông N còn nợ 15 kỳ hụi với số tiền 225.000.000 đồng, bà đã xuất tiền đóng cho các hụi viên và dây hụi này đã mãn; phía bà C, ông N xác định chỉ còn nợ 12 kỳ hụi với số tiền 180.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà C, ông N thừa nhận tham gia chơi 02 dây hụi nêu trên do bà T làm chủ hụi và bà C, ông N đã hốt hụi, đã nhận tiền hốt hụi từ bà T. Do đó, bà C, ông N phải có nghĩa vụ chứng minh đã đóng hụi chết cho bà T, nhưng bà C, ông N không có tài liệu, chứng cứ chứng minh như lời trình bày của mình; phía bà T thì không thừa nhận, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C.

[5] Bà C cho rằng sau khi đã hốt hụi của bà T thì bà đã trả cho bà T nhiều lần với số tiền 54.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ tổng số tiền của 02 dây hụi là 186.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà C không có tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả cho bà T số tiền 54.000.000 đồng như bà C trình bày. Phía nguyên đơn bà T không thừa nhận bà C đã trả số tiền 54.000.000 đồng, mà chỉ thừa nhận bà C đã trả số tiền 49.000.000 đồng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận trình bày của bà C, có căn cứ chấp nhận trình bày của bà T theo sự thừa nhận của bà T.

[6] Như vậy, đối với hai dây hụi nêu trên có căn cứ xác định bà C, ông N còn nợ bà T số tiền 295.000.000 đồng (70.000.000 đồng + 225.000.000 đồng), đối trừ số tiền bà C đã trả bà T 49.000.000 đồng, thì bà C, ông N còn phải trả cho bà T số tiền 246.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2019/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 92, khoản 1 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2019/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim T đối với bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Ngọc N.

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ trả cho bà Trần Kim T số tiền 246.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Ngọc N phải chịu là 12.300.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Bà Trần Kim T không phải chịu án phí, bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 10.320.000 đồng theo biên lai thu số 0003733 ngày 26/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng, bà C đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 00040223 ngày 05/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trương Thanh Dũng**